# SẢN PHẨM TÔM HS.030617 - THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN
# GIÁ

## 1. Thông tin về giá hiện hành

Vasep cho biết xuất khẩu tôm Việt Nam sang Nhật Bản những tháng đầu năm nay gặp khó khăn do đồng yên sụt giá mạnh kéo theo giá bán đi xuống.

Trong ba nhóm sản phẩm tôm chính xuất khẩu sang Nhật Bản, tôm chân trắng chiếm 63,5%, tôm sú chiếm gần 18% còn lại là tôm loại khác với 18,5%.

6 tháng đầu năm 2023, giá trung bình xuất khẩu tôm chân trắng đông lạnh của Việt Nam sang Nhật Bản dao động 6,5-10,3 USD/kg; giá tôm sú đông lạnh khoảng 14,1-17,7 USD/kg. Giá hai loại tôm này xuất khẩu sang Nhật Bản trong quý II năm nay có xu hướng giảm nhẹ so với quý I.

Vasep nhận định Nhật Bản cũng được nhiều doanh nghiệp tập trung đẩy mạnh xuất khẩu trong năm nay nhờ nhu cầu ổn định, tỷ suất lợi nhuận ở Nhật Bản tốt hơn do có tỷ lệ hàng tinh chế, phối chế cao.

Trong bối cảnh tôm nguyên liệu trong nước giảm do dịch bệnh, các sản phẩm tôm Việt Nam chế biến xuất khẩu sang Nhật Bản giữ được ưu thế hơn so với các thị trường khác. Thị phần tôm Việt Nam tại Nhật Bản đang dẫn đầu với 23,7%.

Tuy nhiên, tôm Việt cũng đang phải cạnh tranh với tôm Ấn Độ và Ecuador. Trong, 5 tháng đầu năm nay, Nhật Bản có xu hướng giảm nhập khẩu tôm Việt Nam, trong khi tăng mua hàng Ấn Độ, Ecuador.

**Giá nhập khẩu trung bình của Nhật Bản từ Việt Nam và các đối thủ cạnh tranh, 2023 (ĐVT: USD/kg)**

| Quốc gia | T01 | T02 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Thế giới | 9,48 | 9,06 | 9,80 | 9,41 | 9,61 | 9,57 | 9,27 |
| Việt Nam | 12 | 12 | 12 | 11 | 11 | 11 | 11 |
| Indonesia | 10 | 9,67 | 10 | 9,43 | 9,65 | 9,49 | 10 |
| Ấn Độ | 8,26 | 7,73 | 7,95 | 7,87 | 7,72 | 7,67 | 7,18 |
| Argentina | 8,98 | 9,60 | 15 | 12 | 13 | 15 | 12 |
| Thái Lan | 10 | 10 | 10 | 9,38 | 9,98 | 9,92 | 10 |
| Ecuador | 6,98 | 6,98 | 8,19 | 7,63 | 7,44 | 7,89 | 7,49 |
| Trung Quốc | 7,73 | 8,24 | 6,83 | 7,56 | 7,44 | 7,83 | 8,05 |

*(Nguồn: trademap.org)*

**Giá nhập khẩu trung bình của Nhật Bản từ Việt Nam và các đối thủ cạnh tranh, 2022**

| Đối tác | Giá trung bình USD/tấn (2018) | Giá trung bình USD/tấn (2019) | Giá trung bình USD/tấn (2020) | Giá trung bình USD/tấn (2021) | Giá trung bình USD/tấn (2022) | Tỷ lệ tăng trưởng % theo giá (2018-2022) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Thế giới | 10.566 | 10.027 | 9.617 | 9.977 | 10.429 | -1,3 |
| Việt Nam | 11.867 | 11.055 | 11.171 | 11.436 | 12.520 | 5,5 |
| Ấn Độ | 8.977 | 8.478 | 8.135 | 8.554 | 9.100 | 1,37 |
| Indonesia | 11.756 | 11.144 | 10.697 | 10.981 | 11.197 | -4,8 |
| Argentina | 9.637 | 9.239 | 8.886 | 10.430 | 10.462 | 8,6 |
| Thái Lan | 10.115 | 9.990 | 9.794 | 10.042 | 10.196 | 0,8 |
| Ecuador | 10.330 | 10.085 | 8.086 | 8.102 | 8.394 | -18,7 |
| Trung Quốc | 9.392 | 8.934 | 7.449 | 8.210 | 9.112 | -2,98 |
| Myanmar | 10.666 | 11.117 | 10.420 | 10.698 | 10.711 | 0,42 |
| Sri Lanka | 11.426 | 10.087 | 10.460 | 10.339 | 9.626 | -15,8 |
| Malaysia | 9.521 | 9.920 | 10.100 | 9.505 | 10.148 | 6,59 |

*(Nguồn: trademap.org)*

## 2. Giá thời vụ

Giá tôm có thể dao động lên xuống một cách rõ ràng đối với hầu hết các mặt hàng tôm. Tuy nhiên, giá nhập khẩu tôm vào thị trường Nhật Bản hầu như không thay đổi nhiều. Giá các sản phẩm này thay đổi khác nhau tùy thuộc vào chất lượng sản phẩm, lợi ích, quốc gia xuất xứ hay sức cạnh tranh.

Giá trị xuất khẩu sang Nhật Bản giảm ít nhất. Có 2 nguyên nhân: tỷ lệ hàng giá trị gia tăng xuất khẩu sang Nhật cao hơn so với các nước khác và tỷ trọng hàng gia công, chế biến xuất khẩu cũng cao hơn.